

Số: 101/QĐ - UBND

Ninh Phước, ngày 14 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán NSNN
năm 2021 của Huyện Ninh Phước.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NINH PHƯỚC

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 19/6/2015;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà;
Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ninh Phước khoá IX kỳ họp thứ 12, về dự toán thu, chi ngân sách huyện, mức bổ sung cho ngân sách xã, thị trấn và phương án phân bổ ngân sách cấp huyện năm 2021,

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Ninh Phước khoá IX kỳ họp thứ 12, về kế hoạch đầu tư công năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021 của huyện Ninh Phước (theo các biểu đính kèm theo quyết định này).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng huyện uỷ;
- Văn phòng HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện ;
- UBND các xã, thị trấn thuộc huyện;
- Lưu: VT, Phòng TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn
Bạch Văn Nguyễn



CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn)

DVT: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	402.363
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	89.600
	Thu ngân sách huyện hưởng 100%	89.600
	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	312.763
	Thu bổ sung cân đối	284.701
	Thu bổ sung có mục tiêu	28.062
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	402.363
I	Chi cân đối ngân sách huyện	363.401
1	Chi đầu tư phát triển	32.000
2	Chi thường xuyên	317.975
4	Chi tạo nguồn CCTL	3.000
5	Chi dự phòng	7.426
6	Chi từ các khoản tăng thu theo Điều 59 Luật NSNN	3.000
II	Chi các chương trình mục tiêu	38.962
1	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	38.962
III	Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

Handwritten signature or mark.

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ NĂM 2021**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn)

ĐVT: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Nguồn thu ngân sách	387.863
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	75.100
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	312.763
	Thu bổ sung cân đối	284.701
	Thu bổ sung có mục tiêu	28.062
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	387.863
1	Chi thuộc nhiệm vụ ngân sách cấp huyện	354.919
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	31.476
	Thu bổ sung cân đối	31.476
	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn năm sau	
4	Chi từ nguồn CCTL tại các xã, thị trấn năm 2020 chuyển sang	1.468
B	NGÂN SÁCH XÃ	47.444
I	Nguồn thu ngân sách	47.444
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	14.500
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	31.476
	Thu bổ sung cân đối	31.476
	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang	
5	Thu từ nguồn CCTL tại các xã, thị trấn năm 2020 chuyển sang	1.468
II	Chi ngân sách	47.444

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

Đvt: triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	93.000	89.600
I	Thu nội địa	93.000	89.600
1	Thu XDCB	15.000	15.000
2	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	12.500	12.500
	Thuế GTGT	10.400	10.400
	Thuế TNDN	1.600	1.600
	Thuế TTĐB	300	300
	Thuế tài nguyên	200	200
	Thu khác về thuế		-
3	Thuế thu nhập cá nhân	7.000	7.000
4	Thuế bảo vệ môi trường		-
5	Lệ phí trước bạ	16.600	16.600
6	Thu phí, lệ phí	3.500	1.600
7	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		-
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-
9	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.700	1.700
10	Thu tiền sử dụng đất	32.300	32.300
11	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		-
12	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết		-
13	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		-
14	Thu khác ngân sách	3.000	1.500
15	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	1.400	1.400
II	Thu từ các khoản thu để lại quản lý qua NSNN		-
III	Thu viện trợ		

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN,
CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ
THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021**



(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	402.363	354.919	47.444
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	363.401	316.992	46.409
I	Chi đầu tư phát triển	32.000	32.000	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	32.000	32.000	-
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-		
-	Chi khoa học và công nghệ	-		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-		
	Vốn ngân sách tỉnh bổ sung			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	32.000	32.000	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	317.975	272.865	45.110
	Trong đó:	-		
-	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	223.269	223.269	
-	Chi khoa học, công nghệ	-		
III	Chi từ các khoản tăng thu theo Điều 59 Luật NSNN	3.000	3.000	
IV	Dự phòng ngân sách	7.426	6.496	930
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	3.000	2.631	369
B	CHI TỪ CÁC KHOẢN THU QUẢN LÝ QUA NSNN	-		
C	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	38.962	37.927	1.035
1	Kinh phí hỗ trợ địa phương đất trồng lúa	6.099	6.099	
2	Kinh phí chỉnh lý tài liệu tồn đọng	1.634	599	1.035

STT	Nội dung	Dự toán	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
3	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo	1.191	1.191	
4	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em 3-5 tuổi	1.255	1.255	
5	Kinh phí hỗ trợ học sinh khuyết tật	90	90	
6	Hỗ trợ kinh phí thực hiện NĐ 86	1.574	1.574	
7	Kinh phí thực hiện NĐ136	26.108	26.108	
8	Ủy thác ngân hàng chính sách	600	600	
9	Bảo hiểm y tế cho đối tượng tham gia kháng chiến	411	411	

Me

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2021

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân huyện phê chuẩn.)

ĐVT: triệu đồng.

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	387.863
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	31.476
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	354.919
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	32.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	32.000
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	272.865
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	223.269
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	
4	Chi văn hóa thông tin	1.162
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	562

STT	Chỉ tiêu	Dự toán
6	Chi thể dục thể thao	596
7	Chi bảo vệ môi trường	4.500
8	Chi các hoạt động kinh tế	9.471
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	26.890
10	Chi bảo đảm xã hội	610
11	Chi an ninh - quốc phòng	4.555
12	Chi khác	1.250
III	Dự phòng ngân sách	6.496
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	2.631
V	Chi từ các khoản tăng thu theo Điều 59 Luật NSNN	3.000
VI	Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN	
VII	Cho các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	37.927
C	CHI TỪ NGUỒN CCTL NĂM 2020 TẠI CÁC XÃ, TT CHUYÊN	1.468

th